

BẢN DI CHỨC

SỰ TỎA SÁNG NHÂN CÁCH CAO ĐẸP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

LÊ MIÊN

Ngày nhận:

23-6-2024

Ngày thẩm định, đánh giá:

27-6-2024

Ngày duyệt đăng:

12-7-2024

Tóm tắt: Từ tháng 5-1965 đến tháng 5-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết “thư”¹, “để lại mấy lời”² - sau này được gọi là *Di chúc* - “cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng” Việt Nam và “cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn, và các cháu thanh niên nhi đồng quốc tế”³. Bản *Di chúc* là sự tỏa sáng nhân cách cao đẹp Hồ Chí Minh, thể hiện tập trung nhất ở ba điểm: Yêu thương, quý trọng con người; nêu cao quan điểm về đạo đức; thể hiện nhân cách trí tuệ của Người.

Từ khóa:

Di chúc;

Chủ tịch Hồ Chí Minh;

nhân cách

1. Nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong bản *Di chúc*: Sự yêu thương, quý trọng con người

Nội dung đầu tiên trong nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong bản *Di chúc* là những dòng tâm huyết về con người. Bởi vì mục tiêu cao cả nhất của các học thuyết phát triển trên thế giới từ cổ chí kim, trong đó có ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, là *giải phóng và phát triển con người*. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chiến sĩ tiên phong trong công cuộc ba giải phóng: Giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội - giai cấp, giải phóng con người. Hai cuộc giải phóng đầu tiên là mục tiêu ở tầm trung, còn giải phóng con người mới chính là cái đích/mục tiêu cuối cùng, mục tiêu ở tầm cao nhất.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu những công việc mà toàn Đảng, toàn dân cần làm sau chiến tranh,

trong đó nhấn mạnh: “Đầu tiên là công việc đối với con người”⁴. Trong bản năm 1965, Người nêu: “Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh. Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”⁵.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là người đầu tiên phát hiện ra sức mạnh vĩ đại của nhân dân, nhưng là người nâng vấn đề ấy lên ở tầm nhận thức mới. Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dân đứng ở vị trí tối thượng trong cấu tạo hệ thống quyền lực của đất nước. Người có quan điểm nhất quán: mọi quyền hạn đều của dân; chính quyền từ cơ sở đến trung ương đều do dân cử ra. Điều này



Bút tích Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1968
 Nguồn: Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, 147 Núi
 Present Ho Chi Minh's testament in 1968 and 1969
 Custodian: Archives Department of the Office of Communist Party of
 Vietnam's Central Committee, Vietnam.

Bút tích Bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1968, 1969 (Nguồn: Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng) (Ảnh: tuoitre.vn)

hoàn toàn phù hợp với cấu trúc xã hội hiện đại. Tất cả mọi hoạt động của hệ thống chính trị đều phải nhằm đưa lại lợi ích cho dân. Trong suốt những năm làm Chủ tịch Đảng và Chủ tịch nước, Người luôn luôn ý thức được chức Chủ tịch của mình do đâu mà có và sử dụng quyền lực đó sao cho ích quốc lợi dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh hay nói đến vị trí, quan hệ của cán bộ, đảng viên đối với dân, đặt cán bộ vào vị trí vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, Đảng “sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân”⁶.

Đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập khối cư dân đông đảo trong một đất nước nông nghiệp, một đội quân hùng hậu cùng với giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức làm nên cốt lõi và chủ lực của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đó là nông dân: “Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với

Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hi hà, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”⁷. Có lẽ đây là quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp nối từ truyền thống đẹp của nhiều triều đại phong kiến Việt Nam trước đây trong việc đề ra và thực thi chính sách nới sức dân, an dân sau những năm tháng nhân dân phải dồn sức của cho cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

Là một người suốt đời lo cho nước, cho dân, cuối đời, trong bản *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”⁸. Người lưu ý thực hiện những nhiệm vụ của thời hậu chiến, tức là sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước đã giành được thắng lợi. Đây là những lời dặn dò thể hiện

tình nhân ái bao la, chủ nghĩa nhân văn trong sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự biểu cảm của tư duy người cách mạng suốt đời hết lòng hết sức chăm lo đến đời sống của tất cả mọi người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người. Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn căn dặn một cách cụ thể hơn nữa: đối với cha mẹ, vợ con của thương binh và liệt sĩ thiếu sức lao động mà túng thiếu, thì chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ đói rét. Thấm đượm chủ nghĩa nhân văn, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn căn dặn: những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đối với phụ nữ, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất. Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”. Còn đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ

bạc, buôn lậu, v.v.. thì Nhà nước vừa phải dùng giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở thành những người lao động lương thiện.

Trong bản *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn về kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đảng hoàng hơn; khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế; phát triển công tác vệ sinh, y tế; sửa đổi chế độ giáo dục cho phù hợp với hoàn cảnh mới; củng cố quốc phòng, chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc.

Đây là quan điểm nhất quán, thể hiện sự trân trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt cả cuộc đời. Ngay từ năm 1945, khi nước nhà vừa mới giành được độc lập, Người nêu lên một quan điểm: “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹⁰. Người còn nói rõ thêm: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chi biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”¹¹. Việt Nam là một nước chịu hậu quả vô cùng nặng nề của chiến tranh khốc liệt. Để giành thắng lợi trọn vẹn trong chiến tranh giải phóng, nhân dân Việt Nam đã phải chấp nhận sự hy sinh to lớn. Hàng bao chiến sĩ đã ngã xuống trên khắp các chiến trường, trong đó còn rất nhiều người chưa tìm thấy hài cốt; hàng bao người dân bị chết, bị thương do bom đạn, bệnh tật, đói rét, chịu hậu quả chất độc diôxin; hàng loạt thành phố, làng bản, cơ sở kinh tế, văn hóa bị tàn phá, v.v. Sau cuộc chiến đấu chống Mỹ xâm lược, đất nước Việt Nam tưởng được bình yên và rất xứng đáng được hưởng nền hòa bình, nhưng trở trêu thay, lại không như vậy. Quân và dân Việt Nam lại buộc phải cầm vũ khí chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Tây - Nam và biên giới phía Bắc.

Cuộc “chiến đấu không lồ” trong xây dựng một xã hội mới như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân mạnh trong bản *Di chúc* đã hiện diện ngày càng rõ hơn ở mức độ và tính chất phức tạp của nó. Trong

hoàn cảnh đó, Việt Nam đã tiến những bước dài về nâng cao đời sống của nhân dân. Bên cạnh coi trọng tăng trưởng kinh tế, Việt Nam luôn nhấn mạnh sự phát triển bền vững, trong đó có việc áp dụng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng đi đôi với sự tiến bộ và công bằng xã hội, thực thi những chính sách xã hội, chăm lo đến sự phát triển con người. Cả nước đã thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, giáo dục tinh thần yêu nước cho thế hệ trẻ về việc ghi nhớ công lao của các thế hệ cha ông trong các cuộc kháng chiến. Đất nước Việt Nam trải qua những năm tháng cam go của chiến tranh, hầu như không gia đình nào là không có sự hy sinh mất mát. Việc phong tặng danh hiệu “Mẹ Việt Nam anh hùng”; những nghĩa trang liệt sĩ được xây dựng, tôn tạo; những cuộc quy tập mộ liệt sĩ chính là sự tri ân của các thế hệ người Việt Nam đối với những người đã cống hiến sức lực, trí tuệ, tính mạng cho sự phát triển của dân tộc.

Đất nước năng động bước vào công cuộc xây dựng Tổ quốc, thực hiện lời mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản *Di chúc*: “*Còn non, còn nước, còn người, /Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!*”¹². Sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, đổi mới, hội nhập quốc tế trong toàn cầu hóa... đã đưa Việt Nam thoát khỏi nhóm các nước nghèo để bước vào nhóm các nước phát triển trung bình.

Trước khi làm cán bộ, phải là người từ tế, nghĩa là phải có tình thương nhân loại, trước hết tình thương, đồng cảm đối với những người lao động nói chung và những người dễ bị tổn thương trong xã hội. Ngày 14-7-1969, trả lời nữ phóng viên báo *Granma* (Cuba) Mácta Rôhát, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”¹³. Trên thế gian nào có phép tính nào độc đáo đến vậy không? Đó là phép tính của

lòng người, từ nỗi đau nhân thế. Những lời Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại trong *Di chúc* rất thấm đượm tính nhân văn, nhân đạo cần được lan tỏa vào cuộc sống nước Việt Nam và lan trên toàn cầu.

Trong *Di chúc*, đoạn viết về Đảng, năm 1966 khi xem lại, Chủ tịch Hồ Chí Minh bổ sung một câu rất thấm thía về tình người cộng sản: “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹⁴.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thể hiện tình thương bao la không những đối với người Việt Nam, mà còn đối với quốc tế: “Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn, và các cháu thanh niên nhi đồng quốc tế”¹⁵.

2. Bản *Di chúc* thể hiện quan điểm nêu cao về đạo đức

Trong bản *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân. ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên””¹⁶.

Đạo đức của con người Việt Nam trước hết thể hiện ở tấm lòng nhân ái. Quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng giống như quan niệm đúng đắn của các tổ chức xã hội tiến bộ hiện nay trên thế giới, khi cho rằng, phát triển con người là sự phát triển tất cả các khía cạnh trong cuộc sống của mọi cá nhân, từ tình trạng sức khỏe, tới đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa; rằng, phát triển con người theo những mục tiêu đó là cái đích cuối cùng, còn tăng trưởng

hay phát triển kinh tế chỉ là phương tiện; rằng, mục tiêu cơ bản của phát triển là tạo ra một môi trường khuyến khích con người được hưởng cuộc sống lâu dài, khoẻ mạnh và sáng tạo. Đạo đức của con người Việt Nam thể hiện ở đức tính *trung với nước, hiếu với dân*. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, người cách mạng phải đặt quyền lợi của Tổ quốc lên trên hết và trước hết. Người đặt chữ “trung” lên hàng đầu trong cả cuộc đời của mình, biểu đạt khi viết về việc riêng: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”¹⁷. Hối hận thì không, nhưng tiếc thì có, nhưng tiếc là tiếc không còn sống lâu hơn để phục vụ (tức là làm đầy tớ) cho nhân dân, cho cách mạng. Đó là sự tiếc nuối của một bậc đại nhân, đại trí, đại dũng, biết vượt qua những lần ranh đò của dục vọng cá nhân.

Đạo đức của con người Việt Nam còn là sự thể hiện của phẩm chất *cần kiệm liêm chính, chí công vô tư*. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, *cần* là cần cù, siêng năng, chăm chỉ trong mọi công việc, làm việc có năng suất cao, có hiệu quả. *Kiệm* trước hết là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: việc gì đáng chi phải chi; việc gì chưa đáng chi khoan hẵng chi; việc gì không đáng chi dứt khoát không chi. *Liêm* là không tham lam, là liêm khiết, trong sạch. Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn cả Nho giáo để nói về điều này khi cho rằng liêm chính là thước đo tính người. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: một dân tộc biết cần, kiệm, liêm sỉ là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh, tiến bộ. *Chính* có nghĩa là thẳng thắn, là không tà, là việc gì mà tốt thì dù nhỏ cũng cố làm, việc gì mà xấu thì dù nhỏ cũng cố tránh. *Chí công vô tư* là một yêu cầu nữa đối với đạo đức của người Việt Nam, nó trái ngược với chủ nghĩa cá nhân mà Chủ tịch Hồ Chí Minh coi như là

“bệnh mẹ” đẻ ra hàng loạt các căn bệnh khác. Đạo đức của con người Việt Nam thể hiện ở *tinh thần quốc tế trong sáng*. Cái gốc của sự phát triển, triết lý phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh còn là ở cái tinh thần quảng giao quốc tế trên một tinh thần “*Lọ là thân thích ruột rà/Công nông thế giới đều là anh em*”¹⁸, và rộng hơn nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nêu quan điểm “*Quan sơn muôn dặm một nhà/Vĩ trong bốn biển đều là anh em*”¹⁹, “tinh nghĩa năm châu bốn biển một nhà”²⁰, “Tứ hải giai huynh đệ”²¹.

Từ sự lan tỏa nhân cách cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản *Di chúc*, đã có không ít người đưa ra nhiều tiêu chí xây dựng con người Việt Nam hiện nay. Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng cũng đã nêu lên một số nội dung làm cơ sở cho việc này. Chẳng hạn: Xây dựng “con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”²², coi đó là “một mục tiêu của chiến lược phát triển”²³, “phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật”²⁴, “mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn. Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người”²⁵. Đối với đội ngũ đảng viên: “Tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng”²⁶, “chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, bè phái, “*lợi ích nhóm*”, nói không đi đôi với làm”²⁷. Gần đây nhất, ngày 9-5-2024, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 144-QĐ/TW

“Về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới”. Đó cũng là sự vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh và cũng là đẩy mạnh quán triệt thực hiện *Di chúc* của Người. Những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về con người Việt Nam đủ đức tài thể hiện nội dung toàn diện nhằm xây dựng xã hội mới, làm cho con người thoát khỏi mọi áp bức, chế độ bất công của tự nhiên, xã hội, con người được tự do phát triển toàn diện. Chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số hạnh phúc, do đó, mới là cái biểu hiện rõ hơn cả về kết quả xây dựng con người Việt Nam.

3. Bản *Di chúc* toát lên nhân cách, trí tuệ của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu viết *Di chúc* từ tháng 5-1965. Khi tuổi cao thì sức sẽ yếu, không có gì lạ. Đó là quy luật nhân sinh. Bản viết năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn thơ của cụ Đỗ Phủ - “Người làm thơ rất nổi tiếng, ở Trung Quốc đời nhà Đường”²⁸: “Nhân sinh thất thập cô lai hy”. Ý kiến của cụ Đỗ Phủ cách đây khoảng hơn ngàn năm, thì lúc đó người thọ 70 là hiếm, nhưng đến thời điểm những năm 60 của thế kỷ XX người thọ 70 không còn là hiếm nữa. Do vậy, đến năm 1968, khi sửa chữa, bổ sung bản *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, năm này, Người 78 tuổi thì thuộc lớp người “trung thọ”²⁹. Đáng chú ý là sức khỏe của Chủ tịch Hồ Chí Minh tuy có kém so với những năm trước, nhưng “Tinh thần vẫn sáng suốt”³⁰. Người minh mẫn cả khi tuổi cao sức yếu, bệnh tật và ngay đến cả những ngày, những giờ cuối cùng của cuộc đời. Trọn vẹn, đến ngày giờ tận cùng của cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn nghĩ đến dân, đến Tổ quốc. Người đã thủy chung, trọn vẹn với Đảng, với dân, với nhân loại tiến bộ, trước sau như vậy, không làm sai, không lạm dụng quyền lực để dẫn đến mờ trí, nhụt chí và tha hóa nhân cách.

Xem lại bút tích *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (có chụp lại và công bố trong cuốn *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15) và nhất là xem lại những đoạn sửa chữa, bổ sung, tôi thấy rằng, có một số đoạn Người viết với tâm trạng ưu tư. Về điểm này, trong Thông báo số 151-TB/TW ngày 19-8-1989 của Bộ Chính trị khóa VI cho rằng, “có một số câu Bác viết rồi lại xóa, hình như Bác đang cân nhắc, chưa coi là đã xong hẳn, chưa thật rõ ý Bác là thế nào”³¹. Tháng 5-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh xem lại và sửa chữa, bổ sung, có viết xen vào bằng mực đỏ giữa các dòng của phần về “Công việc đối với con người”, rồi lại gạch chéo để bỏ đi, không rõ bỏ đoạn viết cũ hay là bỏ đoạn viết mực đỏ. Trong hồi ký của mình, ông Vũ Kỳ, người thư ký lâu năm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cho rằng, trong gần cuối phần viết về một số công việc sau chiến tranh thì “có một đoạn viết xong Bác đóng khung bên cạnh, không hiểu Bác muốn bỏ đoạn ấy hay muốn nhấn mạnh để người đọc chú ý”³². Vào những năm 1966 và 1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh không viết thêm những đoạn bổ sung dài như năm 1968, có chăng chỉ thêm một câu hoặc sửa chữa chút ít, hoặc không viết gì thêm, như ông Vũ Kỳ đã kể lại trong hồi ký của mình: “Có lúc, Bác đã cầm bút lên, rồi lại đặt xuống”³³.

Không trần trụi sao được khi quãng thời gian 4 năm, từ năm 1965 đến năm 1969, tình hình trong và ngoài nước có nhiều vấn đề cực kỳ phức tạp. Trí tuệ sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản *Di chúc* thể hiện rõ nhất, điển hình nhất là ở những lời viết trùng và đúng của Người về Đảng. Cụ thể là Người nêu lên những vấn đề sau đây:

Một, “*Trước hết nói về Đảng*”. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền” và tỏ rõ sự quan tâm đặc biệt đến vấn đề cốt tử nhất của cách mạng Việt Nam, vì sự lãnh đạo của Đảng có vai trò quyết định tới sự thành - bại của

cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nắm chắc cái chốt của mọi vấn đề trong tiến trình cách mạng Việt Nam, đó là cái chốt về Đảng. *Hai*, đoàn kết trong Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết rằng, đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng ta, “từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình”³⁴. *Ba*, thực hành dân chủ rộng rãi. *Bốn*, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình. *Năm*, có 4 chữ “thật” trong một đoạn ngắn: 1) Thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng; 2) Thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; 3) Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch; 4) Phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân. *Sáu*, giáo dục thanh niên. Phải giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên, đào tạo họ thành người thừa kế xây dựng CNXH vừa “hồng” vừa “chuyên”, vì “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”³⁵ (hai chữ “rất”). *Bảy*, “việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*”³⁶. *Tám*, “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”³⁷.

Công cuộc xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng trong 55 năm qua đạt được nhiều thành tựu đáng kể, đồng thời cũng còn một số hạn chế. Nhìn lại quá trình 55 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhất là nội dung về chỉnh đốn Đảng, có thể gợi mở đặt ra một số vấn đề tiếp tục thực hiện trong giai đoạn hiện nay, coi như là điểm nhấn. Những vấn đề này thì các cấp từ Trung ương đến các địa phương hiện nay đều có thể vận dụng được ngay, bởi vì chúng không lạc hậu, vẫn mang hơi thở của cuộc sống. Phải coi tự chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ cấp thiết, thường xuyên. Sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là một tất yếu. Việc Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn bản thân mình cũng là một tất yếu. Cả hai đều tất yếu như nhau (viết theo

cách diễn đạt của C.Mác về CNTB và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân). Phải đặc biệt coi trọng hơn nữa công tác cán bộ. Chỉnh đốn Đảng theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ có hiệu quả tốt khi trong giai đoạn này. Đảng làm tốt công tác cán bộ, trước mắt cho Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội XIV của Đảng vào quý I năm 2026. Phải nêu gương sáng. Nói phải đi đôi với làm, khắc phục cho bằng được bốn căn bệnh: 1/ Nói nhiều làm ít; 2/ Nói hay làm dở; 3/ Nói mà không làm; 4/ Nói một đằng làm một nẻo. Làm đúng như thế cũng tức là thực hiện tốt lời dặn chỉnh đốn lại Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh ghi trong bản *Di chúc* thiêng liêng. Làm đúng như thế cũng tức là góp phần cùng toàn Đảng thực hiện có kết quả “*điều mong muốn cuối cùng*” đầy tâm huyết của Chủ tịch Hồ Chí Minh cuối bản *Di chúc*: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”³⁸.

1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20, 28, 29, 30, 34, 35, 36, 37, 38. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 15, tr. 611, 615, 613, 616, 612, 617, 612, 617, 612, 674, 622, 613, 622, 623, 668, 611, 615, 611 và 615, 622, 622, 616, 622, 624

6. *Sđd*, T. 7, tr. 50

10, 11, 21. *Sđd*, T. 4, tr. 64, 175, 273

18. *Sđd*, T. 14, tr. 312

19. *Sđd*, T. 10, tr. 558

22, 23, 24, 25, 26, 27. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 126, 126, 127, 127, 47, 47

31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2006, T. 49, tr. 708

32, 33. Vũ Kỳ: “Bác Hồ viết *Di chúc*”, trong cuốn *35 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, H, 2004, tr. 176, 158.